

HỘI NGHỊ PARI VỀ VIỆT NAM MỘT SỐ KINH NGHIỆM LỊCH SỬ

Cách đây đúng 40 năm, ngày 27-1-1973, Hiệp định về chấm dứt chiến tranh và lập lại hòa bình ở Việt Nam được ký kết tại thủ đô Pari, nước Cộng hòa Pháp. Đây là văn bản pháp lý quốc tế có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với sự nghiệp đấu tranh giải phóng, thống nhất đất nước của nhân dân, quân đội ta dưới sự lãnh đạo của Đảng và của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Đại tá, PGS, TS NGUYỄN BÌNH BAN
Thiếu tá, TS ĐỖ VĂN DŨNG
Viện Lịch sử Công an



Các đồng chí Lê Đức Thọ, Xuân Thủy và các thành viên Đoàn đàm phán sau khi ký tắt Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam, ngày 23-1-1973 _ Ảnh: TL

Bốn mươi năm đã trôi qua kể từ khi Hiệp định Pari được ký kết, đã có nhiều công trình, bài nghiên cứu về Hội nghị. Qua nghiên cứu tiến trình Hội nghị, có thể rút ra một số kinh nghiệm quý:

Thứ nhất, phải luôn nêu cao mục tiêu bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc trong suốt quá trình đàm phán.

Giữ vững ý chí và quan điểm độc lập tự chủ của Đảng là yếu tố cơ bản đảm bảo cho đàm phán thành công. Việt Nam bước vào đàm phán với Mỹ trong tình hình quốc tế phức tạp, chiến tranh lạnh gay gắt, quan hệ Liên Xô - Trung Quốc căng thẳng, sự đồng thuận trong phe xã hội chủ nghĩa rạn nứt,... Rút kinh nghiệm từ Hội nghị Giơnevơ (1954), Việt Nam xác định giữ độc lập tự

chủ trong kế sách “vừa đánh vừa đàm” với Mỹ là nhân tố cốt lõi, nhất quán trong đàm phán tại Hội nghị. Tham khảo ý kiến các nước xã hội chủ nghĩa, Đảng đã chủ động quyết định những bước đi bài bản trong đàm phán và đề ra phương sách để giành thắng lợi cuối cùng.

Trong suốt cuộc đàm phán, Đảng ta phát huy tính độc lập tự chủ và có đường lối đúng đắn, không để một sức ép bên ngoài nào tác động; nắm chiến lược và con bài đàm phán, chỗ mạnh, chỗ yếu của Mỹ; dự đoán được chiều hướng chung của tình hình quốc tế và ngoại giao trong quá trình đàm phán.

Để chống lại chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ, Đảng đã lãnh đạo quân và dân ta đấu tranh trên ba mặt trận: quân sự, chính trị và ngoại giao. Trong những hình thức đấu tranh đó, đấu tranh quân sự, thực lực quân sự trên chiến trường luôn được xác định đóng vai trò quyết định. Đấu tranh quân sự và chính trị có ý nghĩa là cơ sở và phương pháp cách mạng chủ yếu nhằm thay đổi cục diện trên chiến trường và tạo ra lợi thế trên bàn đàm phán. Dù phải trải qua đấu tranh quyết liệt, những thắng trận, gay go, nhưng cuối cùng Hiệp định Pari đã được ký kết, góp phần thực hiện mục tiêu quan trọng hàng đầu của cách mạng Việt Nam là bảo vệ nền độc lập, chủ quyền thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ. Những điều khoản then chốt của Hiệp định có ý nghĩa bước ngoặt trong tiến trình cách mạng Việt Nam.

Trong lịch sử đấu tranh của nhân dân ta, chưa bao giờ có cuộc đàm phán nào kéo dài, gay gắt, phức tạp như tại Hội nghị Pari, từ ngày 13-5-1968 đến ngày 27-1-1973. Nếu như việc ký kết Hiệp định Giơnevơ (1954) chỉ đảm bảo giải phóng một nửa đất nước và tạo điều kiện thiết lập một cơ sở vững

chắc để đấu tranh giành hoà bình, thống nhất, độc lập trên toàn bộ lãnh thổ Việt Nam, thì tới Hiệp định Pari (1973), các mục tiêu đấu tranh chính trị, quân sự và ngoại giao đã giành được thắng lợi trọn vẹn: đế quốc Mỹ buộc phải chấm dứt chiến tranh, rút khỏi Việt Nam và Đông Dương, chấm dứt dính liu quân sự, từ bỏ mưu đồ xâm chiếm miền Nam Việt Nam. Với Hiệp định Pari, nhân dân Việt Nam đã thực hiện được mục tiêu “đánh cho Mỹ cút”, mở ra một giai đoạn mới để “đánh cho ngụy nhào” như lời dạy và lời tiên đoán sáng suốt của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đây là tiền đề tiến lên giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước. Phát huy khí thế thắng lợi tại Hội nghị Pari, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã quyết định mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, kết thúc thắng lợi trọn vẹn vào ngày 30-4-1975, buộc Tổng thống chính quyền Sài Gòn Dương Văn Minh phải tuyên bố đầu hàng vô điều kiện. Miền Nam được giải phóng, mở ra bước ngoặt lịch sử của cách mạng Việt Nam, hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, đưa cả nước cùng đi lên chủ nghĩa xã hội.

Thứ hai, phải luôn luôn giữ thế chủ động, lựa chọn đúng vấn đề mấu chốt và kết hợp linh hoạt các hình thức đấu tranh thích hợp trong quá trình đàm phán.

Ngay từ đầu năm 1967, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 13 (khoá III) đã xác định tình hình cụ thể, chủ động đưa ra vấn đề: Mỹ chấm dứt ném bom vĩnh viễn và không điều kiện thì Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Mỹ có thể đàm phán. Ngày 23-1-1967, Bộ Chính trị cũng nêu rõ tiếp tục đấu tranh ngoại giao

bảo vệ lập trường của ta trong thời gian tới với mục đích: trong tất cả các cuộc họp báo ở Pari phải nhằm tranh thủ dư luận, gây sức ép với Mỹ, làm cho chúng lúng túng, bị động, đẩy mạnh phong trào đòi ngừng và chấm dứt ném bom miền Bắc, làm cho chúng khó khăn, lúng túng trong việc leo thang. Tiến thêm một bước, ta đẩy mạnh đấu tranh trên dư luận, phối hợp với những thắng lợi trên chiến trường miền Nam, thì đến một lúc nào đó ta có thể buộc Mỹ phải ngừng ném bom trên thực tế để tiếp xúc với ta¹. Tháng 1-1968, Hội nghị Trung ương lần thứ 14 ra nghị quyết phát động Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân ở miền Nam. Ban Chấp hành Trung ương Đảng nêu: cần có phương pháp và hình thức thích hợp để tiến công ngoại giao, nhằm làm cho địch càng lúng túng, bị động, gây mâu thuẫn, phân hoá và cô lập địch đến cao độ, nhằm tích cực góp phần vào việc giành và củng cố từng bước những thắng lợi của ta, ra sức tranh thủ sự ủng hộ quốc tế của các nước xã hội chủ nghĩa và của nhân dân thế giới. Công tác ngoại giao phải mở đường cho địch tiến hành thương lượng theo hướng có lợi nhất cho ta; chuẩn bị những phương án cần thiết để khi tình hình bắt buộc địch phải thương lượng với ta thì ta có thể luôn luôn giữ vững thế chủ động trong quá trình đàm phán.

Ngày 13-5-1968, Hội nghị hai bên giữa đại diện Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Hoa Kỳ chính thức họp phiên đầu tiên, mở ra cục diện “vừa đánh vừa đàm”. Thực hiện chủ trương “vừa đánh vừa đàm” và lấy chiến trường là cơ bản, ngày 16-3-1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi điện khích lệ tinh thần nhân dân miền Nam “đánh cho đến khi Mỹ, ngụy thất bại hoàn

toàn, cho đến khi miền Nam hoàn toàn giải phóng”². Với sách lược hết sức mềm dẻo và lòng nhân ái, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ: hãy để cho Mỹ tự động rút khỏi Việt Nam một cách có thể diện³.

Kể từ phiên họp đầu tiên đến khi đạt được giải pháp chính thức là Hiệp định Pari, Hội nghị hai bên (Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Chính phủ Hoa Kỳ) và bốn bên (Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Chính phủ Hoa Kỳ, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Việt Nam Cộng hoà) ở Pari đã trải qua nhiều phiên họp chung công khai và tiếp xúc riêng. Hội nghị đã trải qua 201 phiên họp công khai, 45 cuộc gặp riêng giữa Việt Nam và Mỹ, 500 buổi họp báo, gần 1.000 cuộc phỏng vấn, tạo nên một phong trào phản đối chiến tranh Việt Nam rầm rộ trên khắp thế giới và ngay trong lòng nước Mỹ. Nhưng với bản chất ngoan cố, hiếu chiến, lật lọng, đế quốc Mỹ mờ cuộc tập kích không quân chiến lược bằng máy bay B.52 vào Hà Nội - Hải Phòng trong suốt 12 ngày đêm cuối năm 1972, song đã bị quân và dân Hà Nội đập tan, lập nên trận thắng “Hà Nội-Điện Biên Phủ trên không” gây chấn động toàn thế giới. Mỹ không còn con đường nào khác buộc phải ngồi lại bàn đàm phán và ký kết Hiệp định Pari, cam kết chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam.

Trong lịch sử tồn tại và phát triển, dân tộc Việt Nam thường phải đối đầu với các thế lực xâm lược ngoại bang hùng mạnh, dù có lúc quanh co, khúc khuỷu nhưng đều kết thúc thắng lợi vẻ vang. Hiệp định Pari là bằng chứng tất yếu về thắng lợi của sự nghiệp đấu tranh chính nghĩa của dân tộc Việt Nam được sự ủng hộ mạnh mẽ của nhân dân tiến bộ toàn thế giới. Sự

hình thành mặt trận nhân dân thế giới ủng hộ nhân dân Việt Nam đã thể hiện rõ đường lối đúng đắn của Đảng: kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh dân tộc với sức mạnh quốc tế, kết hợp ngoại giao Nhà nước với ngoại giao nhân dân. Sức mạnh của đấu tranh ngoại giao dẫn đến các cuộc đàm phán quan trọng với kẻ thù diễn ra vào những thời điểm phù hợp nhằm đi tới sự công nhận các kết quả đã đạt được trong suốt quá trình đấu tranh chính trị và quân sự⁴. Trong các phiên họp chung công khai cũng như các cuộc tiếp xúc riêng, Việt Nam không bỏ qua bất cứ vấn đề quan trọng nào có liên quan đến cuộc chiến tranh, nhưng tập trung mũi nhọn đấu tranh vào hai vấn đề mấu chốt nhất là đòi Mỹ rút hết quân viễn chinh cùng quân đội chư hầu ra khỏi miền Nam và tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản và quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam.

Hội nghị Pari giành thắng lợi, một nguyên nhân quan trọng nhất là do ta luôn giành được thế chủ động trong đàm phán, chủ động trong điều hành cục diện quân sự trên chiến trường theo mục tiêu chiến lược của ta. Mặt khác, khi tiến hành đàm phán, Đảng luôn nắm chắc tình thế trên chiến trường, nội bộ Mỹ và xu thế quốc tế để đề ra phương pháp đấu tranh phù hợp với những lộ trình, bước đi chặt chẽ, vững chắc và luôn giành quyền chủ động trong quá trình thương lượng.

Việt Nam được sự ủng hộ mạnh mẽ của nhân dân tiến bộ toàn thế giới. Sự hình thành mặt trận nhân dân thế giới ủng hộ nhân dân Việt Nam đã thể hiện rõ đường lối đúng đắn của Đảng: kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh dân tộc với sức mạnh quốc tế, kết hợp ngoại giao Nhà nước với ngoại giao nhân dân.

Thứ ba, nắm chắc tình hình, vận dụng sáng tạo các biện pháp nghiệp vụ, đồng thời tranh thủ cao độ sự đồng tình ủng hộ, giúp đỡ của các lực lượng tiến bộ để làm tốt công tác bảo vệ, là nhân tố quan trọng, góp phần vào thắng lợi của Hội nghị.

Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam được ký kết buộc Mỹ và các nước khác công nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam. Đây là “thắng lợi rất to lớn của cuộc kháng chiến oanh liệt nhất trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam”⁵. Thắng lợi đó là kết quả của quá trình đấu tranh đầy cam go, thử thách của nhân dân ta và các lực lượng vũ trang, trong đó có Công an nhân dân. Để phục vụ mặt trận đấu tranh ngoại giao, ngay từ phiên họp đầu tiên của

Hội nghị (ngày 13-5-1968), lực lượng Công an đã cử một số cán bộ, chiến sĩ có trình độ và kinh nghiệm làm công tác bảo vệ phái đoàn Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam. Công tác bảo vệ an toàn những chuyến đi lại từ Hà Nội đến Pari và ngược lại của các đồng chí Cố vấn Lê Đức Thọ, Bộ trưởng Nguyễn Duy Trinh, Xuân Thuý và nhiều cuộc đi thăm các nước của bà Nguyễn Thị Bình - đại diện Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam diễn ra liên tục và có nhiều khó khăn, nhưng đều được đảm bảo an toàn tuyệt đối về người cũng

như tài liệu bí mật quốc gia liên quan đến đàm phán.

Thông qua công tác xây dựng cơ sở trong các tổ chức Việt kiều yêu nước, qua công tác trinh sát, tình báo, ta nắm được danh sách phái đoàn và ý đồ của Mỹ đến đàm phán tại Hội nghị Pari. Những tin tức đó được kịp thời báo cáo với Đảng để có chủ trương, biện pháp chỉ đạo đấu tranh trên bàn hội nghị. Trong quá trình diễn ra Hội nghị, lực lượng bảo vệ đã thường xuyên nêu cao cảnh giác, giữ vững kỷ luật, đảm bảo cho hoạt động của các thành viên trong đoàn theo đúng nội quy về quan hệ, đi lại, tiếp xúc, giữ nghiêm kỷ luật phát ngôn, các quy định về bảo vệ cơ quan phái đoàn, bảo vệ tài liệu, giữ gìn bí mật về chủ trương, đường lối của Đảng. Lực lượng an ninh đã chủ động bố trí những buồng BHP (“buồng hạnh phúc”), BBM (buồng bí mật) trong hoạt động nghiệp vụ nên đã giữ được bí mật tin tức, biện pháp đấu tranh ngoại giao của Đảng và Chính phủ, khiến cho địch luôn bị bất ngờ, bị động đối phó.

Ở những địa điểm phái đoàn ta hội họp, nơi làm việc, nghỉ ngơi, lực lượng Công an Việt Nam đều phối hợp với lực lượng Cảnh sát, An ninh và các lực lượng tiến bộ của nước Cộng hòa Pháp lập kế hoạch bảo vệ tuyệt đối an toàn. Đặc biệt, tổ Tình báo F68⁶ đã có những thành tích xuất sắc trong việc bảo vệ an toàn phái đoàn ta tại Hội nghị. Bằng trí tuệ, sự khôn khéo và thông qua công tác trinh sát kỹ thuật nghiệp vụ, lực lượng công an đã phát hiện và vô hiệu hóa các phương tiện kỹ thuật nghe, chụp ảnh trộm của đối phương. Khi Hiệp định Pari chuẩn bị được ký kết, qua công tác tình báo, lực lượng công an nắm được âm mưu của Mỹ muốn thay đổi một số nội dung trong

dự thảo Hiệp định. Những tin tức trên đã được kịp thời báo cáo với Đảng để có chủ trương và biện pháp đấu tranh buộc Mỹ phải chấp nhận những điều khoản đã thỏa thuận tại Hội nghị. Tuy số lượng cán bộ, chiến sĩ làm công tác bảo vệ Hội nghị không nhiều, nhưng do biết dựa vào tập thể, tranh thủ được sự đồng tình và giúp đỡ của Chính phủ và các lực lượng tiến bộ Pháp, đồng thời biết phát huy tác dụng các biện pháp nghiệp vụ nên lực lượng Công an Việt Nam đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, góp phần buộc Mỹ phải ký kết Hiệp định về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam vào ngày 27-1-1973.

Hội nghị Pari về Việt Nam kết thúc cách nay đã 40 năm và để lại những kinh nghiệm vô cùng quý giá. Những kinh nghiệm đó vẫn còn giữ nguyên giá trị thời sự trong tình hình thế giới đầy biến động và phức tạp hiện nay nhằm xây dựng một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội ♦

-
1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2003, T.28, tr.82
 2. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2002, T.12, tr.450
 3. Xem: *Sdd*, tr.13
 4. Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam: *Lịch sử nghệ thuật chiến dịch Việt Nam 1945-1975*, Nxb QĐNQH, H, 1995, tr.14-253
 5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2003, T.34, tr.444
 6. Bộ Công an, Tổng cục V: *Tổng kết lịch sử Tình báo Công an nhân dân (1946-1998)*, Nxb CAND, H, 2000, tr.45.